

BÀI ÔN TẬP TIẾNG ANH KHỐI 3

PHIẾU SỐ 06

I. Leave ONE unnecessary letter in these words to make them correct. (Bỏ MỘT chữ cái để sửa thành từ đúng)

1. DOLIL
2. PLAINE
3. AAUNT
4. LIVVING ROOM
5. MONNSTER
6. TEEDDY BEAR

II. Odd one out. (Chọn từ khác loại)

- | | | | |
|------------------|----------|------------|--------------|
| 1. A. globe | B. map | C. desk | D. these |
| 2. A. teddy bear | B. kite | C. cake | D. puzzle |
| 3. A. classroom | B. uncle | C. teacher | D. school |
| 4. A. I | B. she | C. his | D. it |
| 5. A. rice | B. bread | C. cake | D. breakfast |
| 6. A. house | B. ruler | C. book | D. eraser |

III. Read and match. (Đọc và nối câu cho đúng nghĩa)

- | | |
|----------|------------------------|
| 1. Sit | A. up, please. |
| 2. Stand | B. your book, please. |
| 3. Come | C. down, please. |
| 4. Open | D. here, please. |
| 5. Make | E. a question, please. |
| 6. Ask | F. a line, please. |

IV. Read and circle the correct answer. (*Đọc và khoanh vào đáp án đúng*)

1. What are they doing? – They are _____ football.
A. doing B. making C. playing
2. Has she got any pet? – No, she _____.
A. has B. hasn't C. haven't
3. How many _____ are there in your bedroom? – There are two.
A. chair B. chairs C. x
4. How old is your _____? – He's thirty-four.
A. sister B. mother C. father
5. _____ many cats do you have?
A. Why B. How C. What
6. What _____ are your dogs? – They are black and white.
A. color B. yellow C. sunny

V. Put the words in order and write. (*Sắp xếp lại câu*)

1. That/red/is/my/book.
=>
2. brother/ tall./ My/ is
=>
3. many/dolls/Alan/and/has/ robots.
=>
4. two/in/are/There/the/house./bathrooms
=>
5. orange/What/is/thing?/that
=>
6. There/red/flowers./are/four
=>

---- The end ----